Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8424.90.94

Mã HS	8424.90.94
Mô tả hàng hóa	Thiết bị cơ khí (hoạt động bằng tay hoặc không) để phun bắn, phun rải hoặc phun áp lực các chất lỏng hoặc chất bột; bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp; súng phun và các thiết bị tương tự; máy phun bắn hơi nước hoặc cát và các loại máy phun bắn tia tương tự / - Bộ phận: / - - Của thiết bị khác: / - - - Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8424.41.10, 8424.41.20, 8424.49.20 hoặc 8424.82.30
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 18:20:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/84249094/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13587
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13587
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13587
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12883
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12824
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12824
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12824
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12824
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12824
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12824
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12878
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12878
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12878
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12878

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12878
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12878
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12879
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12879
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12879
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12879
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12879
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12879
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12882
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12830
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12838
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12838
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12838
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12838
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12838
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12838
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12869
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12869
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12869
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12869
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12869
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12869
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12918
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12918
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12918
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12918

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12918
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12918
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12901
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12901
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12901
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12901
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12901
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12901
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12901
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12901
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12901
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12901
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12901
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12901
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12916
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12916
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12916
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12916
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12916
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12916
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12915
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12915
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12915
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12915
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12915
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12915

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12895
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12895
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12895
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12895
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12895
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12895
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12895
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12903
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12903
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12903
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12903
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12903
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12903
RCEP B	2022	2022	0	B!D12903
RCEP B	2023	2023	0	B!E12903
RCEP B	2024	2024	0	B!F12903
RCEP B	2025	2025	0	B!G12903
RCEP B	2026	2026	0	B!H12903
RCEP B	2027	2027	0	B!I12903
RCEP C	2022	2022	0	C!D12903
RCEP C	2023	2023	0	C!E12903
RCEP C	2024	2024	0	C!F12903
RCEP C	2025	2025	0	C!G12903
RCEP C	2026	2026	0	C!H12903
RCEP C	2027	2027	0	C!I12903
RCEP D	2022	2022	0	D!D12902

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E12902
RCEP D	2024	2024	0	D!F12902
RCEP D	2025	2025	0	D!G12902
RCEP D	2026	2026	0	D!H12902
RCEP D	2027	2027	0	D!I12902
RCEP E	2022	2022	0	E!D12906
RCEP E	2023	2023	0	E!E12906
RCEP E	2024	2024	0	E!F12906
RCEP E	2025	2025	0	E!G12906
RCEP E	2026	2026	0	E!H12906
RCEP E	2027	2027	0	E!I12906
RCEP F	2022	2022	0	F!D12903
RCEP F	2023	2023	0	F!E12903
RCEP F	2024	2024	0	F!F12903
RCEP F	2025	2025	0	F!G12903
RCEP F	2026	2026	0	F!H12903
RCEP F	2027	2027	0	F!I12903
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11965
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11965
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11965
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11965

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8424.90 có 11 dòng thuế; dòng 8424.90.94 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8424.41.10, 8424.41.20, 8424.49.20 hoặc 8424.82.30.	8424.90.10 Của bình dập lửa; 8424.90.21 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8424.20.11; 8424.90.23 Loại khác; 8424.90.24 Của hàng hóa thuộc phân nhóm 8424.20.21; 8424.90.29 Loại khác; 8424.90.30 Của máy phun bắn hơi nước hoặc cát và các loại máy phun bắn tia tương tự	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8424.90.94. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8424.90.94 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13587), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.